

HỎI - ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ
MÁY, VỊ TRÍ VIỆC LÀM,
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ NỘI VỤ

HỎI - ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY,
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC
VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Tập 2

PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, VỊ TRÍ
VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Năm 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành trung ương khóa XII *Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành trung ương khóa XII về *tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*; trong những năm qua, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Để tiếp tục thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017; năm 2020, Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức; Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; về vị trí việc làm và biên chế công chức; vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể

đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, giải đáp liên quan đến tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lĩnh vực Nội vụ; đặc biệt là các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc do các cơ quan có thẩm quyền ban hành năm 2020, 2021 tới cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang biên soạn cuốn tài liệu tuyên truyền pháp luật về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập dưới dạng Hỏi - đáp.

Nội dung tài liệu Hỏi đáp về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gồm 02 phần:

- **Tập 1:** Pháp luật về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính.

- **Tập 2:** Pháp luật về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Tập 2 - Pháp luật về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tập trung Hỏi và đáp về các văn bản pháp luật sau:

1. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2020); thay thế Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ tổ chức bộ máy và Hội đồng quản lý quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2020); thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ nhân sự quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2021).

Xin trân trọng giới thiệu!

SỞ NỘI VỤ TỈNH TUYÊN QUANG

I. HỎI - ĐÁP

NGHỊ ĐỊNH SỐ 120/2020/NĐ-CP NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (NGHỊ ĐỊNH SỐ 120/2020/NĐ-CP)

1. Câu hỏi 1: Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 4 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành); một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập) phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu). Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên và

chi đầu tư, khi thành lập mới (kể cả trường hợp cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) phải tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả thì tổ chức lại hoặc giải thể. Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

2. Câu hỏi 2: Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài) được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia hoặc quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đáp ứng đủ tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

c) Xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước;

d) Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, khi thành lập các đơn vị này thì số lượng người làm việc là viên chức tối thiểu được xác định theo Đề án thành lập. Đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp thì số lượng người làm việc tối thiểu bao gồm viên chức và người làm chuyên môn, nghiệp vụ theo chế độ hợp đồng lao động.

đ) Có trụ sở làm việc hoặc đề án cấp đất xây dựng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới); trang thiết bị cần thiết ban đầu; nguồn nhân sự và kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Có điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia hoặc quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng quy định về số lượng người làm việc tối thiểu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Không đáp ứng đủ các tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

c) Việc tổ chức lại các đơn vị đảm bảo không làm giảm mức độ tự chủ về tài chính hiện có của đơn vị; trường hợp thực hiện hợp nhất, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở các mức độ khác nhau thì mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi hợp nhất, sáp nhập được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

3. Điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Không còn chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước;

b) Không đáp ứng đủ tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

c) Ba năm liên tiếp hoạt động không hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền;

d) Thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia hoặc quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Câu hỏi 3: Việc tự chủ về tổ chức bộ máy được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định việc tự chủ về tổ chức bộ máy như sau:

1. Về tổ chức bộ máy:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật;

d) Việc thành lập các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác không phải là các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là phòng) thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một

phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên phải đáp ứng các tiêu chí sau: Công việc hoặc lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên.

2. Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ được bố trí bình quân không quá 03 người trên một đơn vị; các đơn vị khác được thực hiện theo Đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc Đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ được bố trí bình quân không quá 03 người trên một đơn vị; các đơn vị khác được bố trí không quá 03 người;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ được bố trí bình quân không quá 03 người trên một đơn vị.

Đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 (trừ các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ), khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định này có từ 20 người làm việc là viên chức trở xuống được bố trí không quá 02 cấp phó; có trên 20 người làm việc là viên chức được bố trí không quá 03 cấp phó.

Đơn vị quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1, khoản 3, điểm b, c, d khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này được bố trí không quá 02 cấp phó.

3. Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Số lượng cấp phó thực hiện theo Đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc Đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng;

c) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Có từ

07 đến 09 người làm việc là viên chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 10 người làm việc là viên chức trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

4. Căn cứ khung số lượng cấp phó quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này (trừ các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo các tiêu chí sau:

a) Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Quy mô về số lượng người làm việc và số đầu mối tổ chức trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Phạm vi hoạt động, tính chất và đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Câu hỏi 4: Hội đồng quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về Hội đồng quản lý như sau:

1. Nguyên tắc thành lập:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng của đơn vị;

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý và quy định của pháp luật chuyên ngành, trường hợp cần thiết, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thành lập Hội đồng quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Điều kiện thành lập:

Các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều này được Nhà nước giao vốn, tài sản để thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau: Quyết định về chiến lược, kế hoạch trung hạn và hàng năm của đơn vị; quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động, thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc; quyết định chủ trương về tổ chức bộ máy, nhân sự (trừ số lượng người làm việc thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức); thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền quyết

định; thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, việc triển khai quy chế dân chủ, quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên; Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm. Cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập trong Hội đồng quản lý gồm đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có); làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

5. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý hoạt động theo Quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

b) Quy định về mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, gồm: Hội đồng quản lý

quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về kết quả thực hiện nghị quyết;

c) Quy định về mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, gồm: Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

6. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này lập hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này và khoản 7 Điều này để được xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý. Hồ sơ đề nghị gồm: Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý; đề án thành lập Hội đồng quản lý; dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý; các tài liệu liên quan chứng minh đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập Hội đồng quản lý; các giấy tờ có liên quan khác (nếu có);

b) Cơ quan, tổ chức thẩm định: Vụ Tổ chức cán bộ hoặc Ban Tổ chức cán bộ là tổ chức thẩm định đối với việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan thẩm định đối với việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

7. Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập và phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. Căn cứ các quy định tại Điều này, bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên. Riêng đối với các cơ sở giáo dục thì Hội đồng trường được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý theo quy định tại Nghị định này.

5. Câu hỏi 5: Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 8 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nội dung đề án, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Mục tiêu, phạm vi hoạt động và danh mục dịch vụ sự nghiệp công đơn vị dự kiến cung cấp;

c) Loại hình và tên gọi của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức;

đ) Cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động và mức độ tự chủ tài chính;

e) Báo cáo giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập;

g) Dự kiến về nhân sự (trong đó xác định rõ số lượng cấp phó của đơn vị theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và hướng dẫn chi tiết của bộ quản lý ngành, lĩnh vực); vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết;

h) Phương án tổ chức thực hiện và lộ trình triển khai hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

i) Kiến nghị của cơ quan, tổ chức xây dựng đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);

k) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

6. Câu hỏi 6: Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 9 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nội dung tờ trình, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Quá trình xây dựng đề án;

c) Nội dung chính của đề án;

d) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề liên quan.

3. Tờ trình thành lập phải do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập ký, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

4. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đối với các đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;

- Tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

- Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Câu hỏi 7: Việc lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan về thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan về thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải gửi dự thảo đề án, tờ trình và dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đến các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật để lấy ý kiến tham gia bằng văn bản đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trước khi gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan liên quan (nếu có);

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và người đứng đầu các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của tổ chức tham mưu về lĩnh vực: tổ chức cán bộ, pháp chế, kế hoạch, tài chính và tổ chức liên quan (nếu có);

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về ngành, lĩnh vực: nội vụ, tư pháp, tài chính, kế hoạch và đầu tư, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý

nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức liên quan (nếu có);

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện về ngành, lĩnh vực: Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch - Tài chính, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức liên quan (nếu có).

8. Câu hỏi 8: Hồ sơ thẩm định, thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gồm những gì? Trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

**/ Điều 11 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về hồ sơ thẩm định, thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:*

1. Hồ sơ gửi cơ quan, tổ chức thẩm định, gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập theo quy định;

b) Dự thảo tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);

đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan;

g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Hồ sơ trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);

d) Văn bản thẩm định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

đ) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức thẩm định;

e) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan (kèm theo văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan) và các tài liệu khác có liên quan đến thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

**/ Điều 12 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:*

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gửi 01 bộ hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đến cơ quan, tổ chức thẩm định được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này để thẩm định; đối với các cơ quan, tổ chức liên quan để phối hợp hoặc để biết thì chỉ ghi tên các cơ quan, tổ chức đó vào mục nơi nhận của văn bản hoặc tờ trình đề nghị thành lập (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

2. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải lập danh mục hồ sơ theo quy định.

3. Hồ sơ gửi là văn bản chính được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

9. Câu hỏi 9: Việc thẩm định, quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?

Đáp:

**/ Điều 13 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thẩm định, thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:*

1. Cơ quan, tổ chức thẩm định:

- Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có quy định của pháp luật chuyên ngành về các tiêu chí, điều kiện hoạt động thì

cơ quan thẩm định về các tiêu chí, điều kiện hoạt động này do pháp luật chuyên ngành quy định.

2. Nội dung thẩm định, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Mục tiêu, phạm vi, đối tượng, tên gọi, loại hình tổ chức, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Hồ sơ, thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

d) Điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi được thành lập;

đ) Việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

e) Tính khả thi của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau thì cơ quan, tổ chức thẩm định yêu cầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải có văn bản giải trình bổ sung hoặc theo ủy quyền của người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức họp với cơ quan, tổ chức trình đề án và các cơ quan có liên quan để làm rõ và báo cáo cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định.

3. Trường hợp quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập là văn bản quy phạm pháp luật thì việc thẩm định còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**/ Điều 14 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:*

Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập căn cứ vào văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định để ban hành văn bản thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định thành lập phải phù hợp với thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

10. Câu hỏi 10: Việc xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 15 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Về thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thời hạn thẩm định là 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập;

b) Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thời hạn thẩm định là 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập.

2. Về quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập:

Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của cơ quan, tổ chức thẩm định và trình theo quy định, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phải ra quyết định thành lập.

Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập không đồng ý việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì có ý kiến bằng văn bản (nêu rõ lý do) gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thời hạn thẩm định và quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

11. Câu hỏi 11: Đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 16 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Nội dung đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

b) Thực trạng tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi tổ chức lại;

c) Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

d) Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có);

đ) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực

hiện phương án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.

2. Nội dung tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 9 Nghị định này.

12. Câu hỏi 12: Đề án, tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 17 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về Đề án, tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Nội dung đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc giải thể;

b) Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

c) Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác liên quan (nếu có);

d) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.

2. Nội dung tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 9 Nghị định này.

13. Câu hỏi 13: Hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 18 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Hồ sơ tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tờ trình tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) trong trường hợp giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan; trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ; thẩm định; xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

14. Câu hỏi 14: Thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tham mưu ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực để làm tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được quy định như thế nào?

Đáp:

**/ Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định:*

Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực có thẩm quyền và trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực.

**/ Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định:*

Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền và trách nhiệm phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực.

**/ Tại Mục 4 Văn bản số 718/BNV-TCBC ngày 24/02/2021 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Bộ Nội vụ hướng dẫn như sau:*

Về tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, để triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 5806/BNV-TCBC ngày 04/11/2020 đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực (hoàn thành trước ngày 31/3/2021). Sau khi các danh mục nêu trên được ban hành sẽ làm cơ sở cho các địa phương xác định dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu của địa phương.

15. Câu hỏi 15: Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là sở);

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt;

c) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của

pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

d) Thực hiện phân cấp theo quy định của pháp luật cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là sở);

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

16. Câu hỏi 16: Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trong thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trong thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Xây dựng Đề án tự chủ (bao gồm các nội dung tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính) của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các nội dung theo Đề án tự chủ của đơn vị.

2. Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý theo quy định.

4. Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.

17. Câu hỏi 17: Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập trước ngày 01 tháng 12 năm 2020 (ngày Nghị định số 120/2020/NĐ-CP có hiệu lực), việc bố trí cấp phó đôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy được quy định như thế nào?

Đáp:

Điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập trước ngày 01 tháng 12 năm 2020 (ngày Nghị định số 120/2020/NĐ-CP có hiệu lực) có số lượng cấp phó nhiều hơn số lượng cấp phó quy định tại Điều 6 Nghị định này thì trong thời hạn 12 tháng (chậm nhất ngày 01 tháng 12 năm 2021) phải sắp xếp số lượng cấp phó của đơn vị theo đúng quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Trường hợp sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập làm tăng số lượng cấp phó của đơn vị so với quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP thì trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày thực hiện sắp xếp, cơ quan trực tiếp quản lý của đơn vị sự

nghiệp công lập và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.

II. HỎI - ĐÁP

NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP)

1. Câu hỏi 1: Đề nghị cho biết vị trí việc làm theo quy định của pháp luật về viên chức? Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc được quy định như thế nào?

Đáp:

**/ Khoản 1 Điều 7 Luật Viên chức năm 2010 quy định:*

Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**/ Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định nguyên tắc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc như sau:*

1. Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và của pháp luật về vị trí việc làm, số lượng người làm việc và tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Bảo đảm một người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.

5. Bảo đảm cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Câu hỏi 2: Căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp như sau:

1. Căn cứ xác định vị trí việc làm bao gồm:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Căn cứ xác định số lượng người làm việc bao gồm:

a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.

3. Căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp bao gồm:

a) Danh mục vị trí việc làm;

b) Mức độ phức tạp của công việc của vị trí việc làm;

c) Tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.

3. Câu hỏi 3: Vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại như thế nào?

Đáp:

Điều 5 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về phân loại vị trí việc làm như sau:

1. Phân loại theo khối lượng công việc:

a) Vị trí việc làm do một người đảm nhận.

b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận.

c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc:

a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.

c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập).

d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

4. Câu hỏi 4: Trình tự phê duyệt vị trí việc làm được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 6 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về trình tự phê duyệt vị trí việc làm như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đề trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công

lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này thẩm định.

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công

lập và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản này phê duyệt.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Hội đồng trường của trường đại học công lập ban hành danh mục vị trí việc làm của đơn vị theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Nghị định này.

5. Câu hỏi 5: Hồ sơ đề nghị thẩm định, nội dung và thời hạn thẩm định Đề án vị trí việc làm được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 7 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về hồ sơ và thời hạn thẩm định Đề án vị trí việc làm như sau:

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm;

b) Đề án vị trí việc làm;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng đề án vị trí việc làm (nếu có).

2. Nội dung Đề án vị trí việc làm gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;

b) Thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp;

c) Xác định vị trí việc làm, trong đó có: Bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm;

d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

3. Thời hạn thẩm định:

Trong thời hạn 40 ngày (đối với hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt lần đầu), 25 ngày (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định Đề án vị trí việc làm quy định tại khoản

3 Điều 6 Nghị định này phải hoàn thành việc thẩm định đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định không đồng ý thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị sự nghiệp công lập và nêu rõ lý do.

6. Câu hỏi 6: Việc điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được thực hiện như thế nào?

Đáp:

Điều 8 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp như sau:

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này (*chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành*).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.

7. Câu hỏi 7: Trình tự phê duyệt số lượng người làm việc hàng năm được thực hiện như thế nào?

Đáp:

Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về trình tự phê duyệt số lượng người làm việc hàng năm như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực để lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua

trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

a) Căn cứ vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản này. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng hợp số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước

bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương trình người đứng đầu bộ, ngành, địa phương đề gửi Bộ Nội vụ thẩm định.

c) Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương.

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm

vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân phê duyệt; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

8. Câu hỏi 8: Hồ sơ, nội dung kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập gồm những gì? Thời hạn gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 10 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về hồ sơ và thời hạn gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm như sau:

1. Hồ sơ kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương gồm:

a) Văn bản đề nghị;

b) Kế hoạch số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định số lượng người làm việc;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hoặc của bộ, ngành, địa phương của năm trước liền kề với năm kế hoạch;

d) Các văn bản liên quan (nếu có).

2. Nội dung kế hoạch số lượng người làm việc gồm:

a) Sự cần thiết của việc lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm;

b) Báo cáo đánh giá việc giao và sử dụng số lượng người làm việc của năm trước liền kề năm lập kế hoạch và tại thời điểm lập kế hoạch;

c) Xác định số lượng người làm việc kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu số lượng người làm việc của năm kế hoạch theo Phụ lục IA, Phụ lục IB, Phụ lục IIA và Phụ lục IIB ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Giải pháp thực hiện kế hoạch số lượng người làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn viên chức, hợp đồng lao động bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện;

đ) Kiến nghị, đề xuất.

3. Thời gian gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của bộ, ngành, địa phương

a) Trước ngày 01 tháng 5 hàng năm, bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liên kê về Bộ Nội vụ.

b) Sau thời hạn quy định tại điểm a khoản này, bộ, ngành, địa phương không gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liên kê thì Bộ Nội vụ sẽ thông báo tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương với tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 01% (một phần trăm) so với tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.

9. Câu hỏi 9: Việc điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 11 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm như sau:

1. Việc điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có thay đổi một trong các căn cứ sau:

- Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thành lập, tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này.

10. Câu hỏi 10: Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 16 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên:

a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc;

b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định số

lượng người làm việc của đơn vị, bảo đảm không được thấp hơn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, không làm tăng kinh phí chi đầu tư đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

c) Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

b) Chỉ đạo lập kế hoạch số lượng người làm việc, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị theo quy định tại Nghị định này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

11. Câu hỏi 11: Thẩm quyền quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp tự đảm

bảo một phần chi thường xuyên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP?

Đáp:

**/ Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:*

Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

**/ Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:*

Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Như vậy, theo quy định hiện hành, tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

**/ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trong tổng số biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt.

12. Câu hỏi 12:

Theo quy định, Bộ Nội vụ chỉ thẩm định kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương (điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi

thường xuyên thuộc phạm vi quản lý (điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP).

Vậy, trong trường hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được thực hiện theo quy định nào?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP:

Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.

III. HỎI - ĐÁP

**QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY,
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI
LÀM VIỆC, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG, BAN HÀNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND
NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2021
(QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 05/2021/QĐ-UBND)**

1. Câu hỏi 1: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc được phân cấp thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Đáp:

Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm như sau:

1. Về quản lý số lượng người làm việc:

a) Giao số lượng người làm việc cho các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quản lý, sử dụng số lượng người làm việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo đúng quy định.

2. Về quản lý vị trí việc làm:

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định;

b) Phê duyệt bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức:

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức vào làm viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có kết quả tuyển dụng viên chức; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định;

d) Tổ chức tiếp nhận công chức, viên chức vào làm viên chức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp:

a) Xây dựng đề án thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về chỉ tiêu thăng hạng (qua Sở Nội vụ thẩm định). Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III theo chỉ tiêu được phê duyệt và quy định của pháp luật. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng I;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) xem xét, quyết định chuyên xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các loại phụ cấp đối với viên chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II trở

xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền. Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định sau khi có văn bản thống nhất của Sở Nội vụ; phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý từ hạng II trở xuống (trừ đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này); cho ý kiến việc chuyển chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này.

d) Đề nghị bằng văn bản gửi Sở Nội vụ để thống nhất trước khi ký quyết định thăng hạng lên chuyên viên chính và tương đương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý khi có thông báo nghỉ hưu.

5. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc:

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị theo phân cấp quản lý;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập và lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc đơn vị

sự nghiệp công lập. Quyết định quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý đối với các phòng thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

c) Phê duyệt quy hoạch, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, miễn nhiệm, phân công công tác, biệt phái đối với các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Quyết định phân công công tác, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức giữa các đơn vị trực thuộc; tiếp nhận, biệt phái viên chức (đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý) sau khi có văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến với đơn vị biệt phái, tiếp nhận viên chức;

đ) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết các chế độ, chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Cho ý kiến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, đánh giá đối với các chức danh trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Về đào tạo, bồi dưỡng viên chức:

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch.

7. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

2. Câu hỏi 2: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) được phân cấp thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Đáp:

Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) như sau:

1. Về quản lý số lượng người làm việc: Quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao đảm bảo đúng quy định.

2. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức:

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận viên chức báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp tổng hợp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định.

3. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng III trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý theo phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, đánh giá đối với các chức danh trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương sau khi có ý kiến bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

3. Câu hỏi 3: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Ủy

ban nhân dân tỉnh được phân cấp thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Đáp:

Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc:

a) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có hội đồng quản lý, thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trình hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

b) Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đã phê duyệt.

2. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức:

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định);

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định.

3. Về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp:

a) Xây dựng đề án thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III trình cấp có thẩm quyền quyết định về chỉ tiêu thăng hạng (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định; tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III theo chỉ tiêu được phê duyệt và quy định của pháp luật; quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có văn bản thống nhất của Sở Nội vụ;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền;

c) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc:

a) Phê duyệt quy hoạch, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, miễn nhiệm, phân công công tác, biệt phái đối với viên chức quản lý thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý;

b) Xây dựng quy định cụ thể tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Quyết định phân công công tác, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động và giải quyết các chế độ, chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Về đào tạo, bồi dưỡng viên chức:

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch.

6. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

4. Câu hỏi 4: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được phân cấp thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Đáp:

Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc:

a) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trình hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

b) Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đã phê duyệt.

2. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức:

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch tuyển dụng;

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có kết quả tuyển dụng viên chức; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định.

3. Về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp:

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền;

c) Báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc: Thực hiện theo khoản 4, Điều 12 Quy định này.

5. Về đào tạo, bồi dưỡng viên chức

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn gửi cơ quan quản lý trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch.

6. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định./.

HỎI - ĐÁP

PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

**(Tập 2: PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY,
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP)**

Chịu trách nhiệm xuất bản

VŨ QUANG THẮNG

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH TUYÊN QUANG

Biên soạn

TRẦN THỊ HẢI HÀ

**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG, SỞ NỘI VỤ
TỈNH TUYÊN QUANG**

Sửa bản in

Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang

Phòng Tổ chức biên chế và tổ chức phi chính phủ,

Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang

In 975 cuốn, khổ 14 x 20 tại Công ty Cổ phần phát triển công nghệ in Nguyên Khang, Lô C5-D5-12 cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Giấy phép xuất bản số 56/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10 tháng 8 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2021./